



Implemented by **giz** Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 2020-2021

DIỄN ĐÀN CẢI CÁCH KINH TẾ HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VỚI SỨC CHỐNG CHỊU SAU COVID-19

Lê Duy Bình
Economica Vietnam

TI I. 2020

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2020 VÀ 2021

	2018	2019e	2020f	2021f	Khác biệt so với dự báo vào tháng 1 năm 2020 (điểm phần trăm)	
					2020f	2021f
Việt Nam	7.1	7.0	2.8	6.8	-3.7	0.3

Nguồn: World Bank, T6 năm 2020

Theo “Báo cáo Cập nhật Triển vọng phát triển châu Á (ADO) 2020” của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 15-9, GDP Việt Nam dự kiến tăng **1,8% trong năm 2020** và tăng ở mức **6,3%** trong năm 2021, trong khi GDP khu vực châu Á đang phát triển sẽ suy giảm 0,7% trong năm 2020, và **tăng 6,8% trong năm 2021**.

Nguồn: ADB, T9 năm 2020

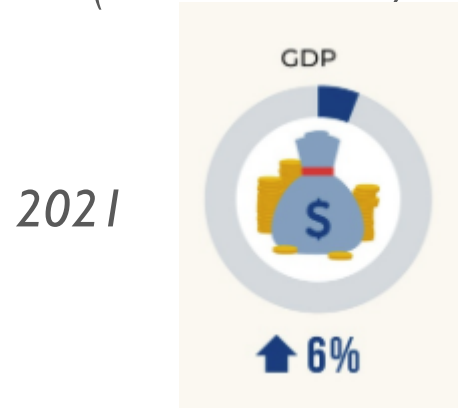
	Real GDP		
	2019	Projections	
		2020	2021
ASEAN-5	4.9	-3.4	6.2
Indonesia	5.0	-1.5	6.1
Thailand	2.4	-7.1	4.0
Malaysia	4.3	-6.0	7.8
Philippines	6.0	-8.3	7.4
Vietnam	7.0	1.6	6.7

Nguồn: IMF, T10 năm 2020

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2020 VÀ 2021

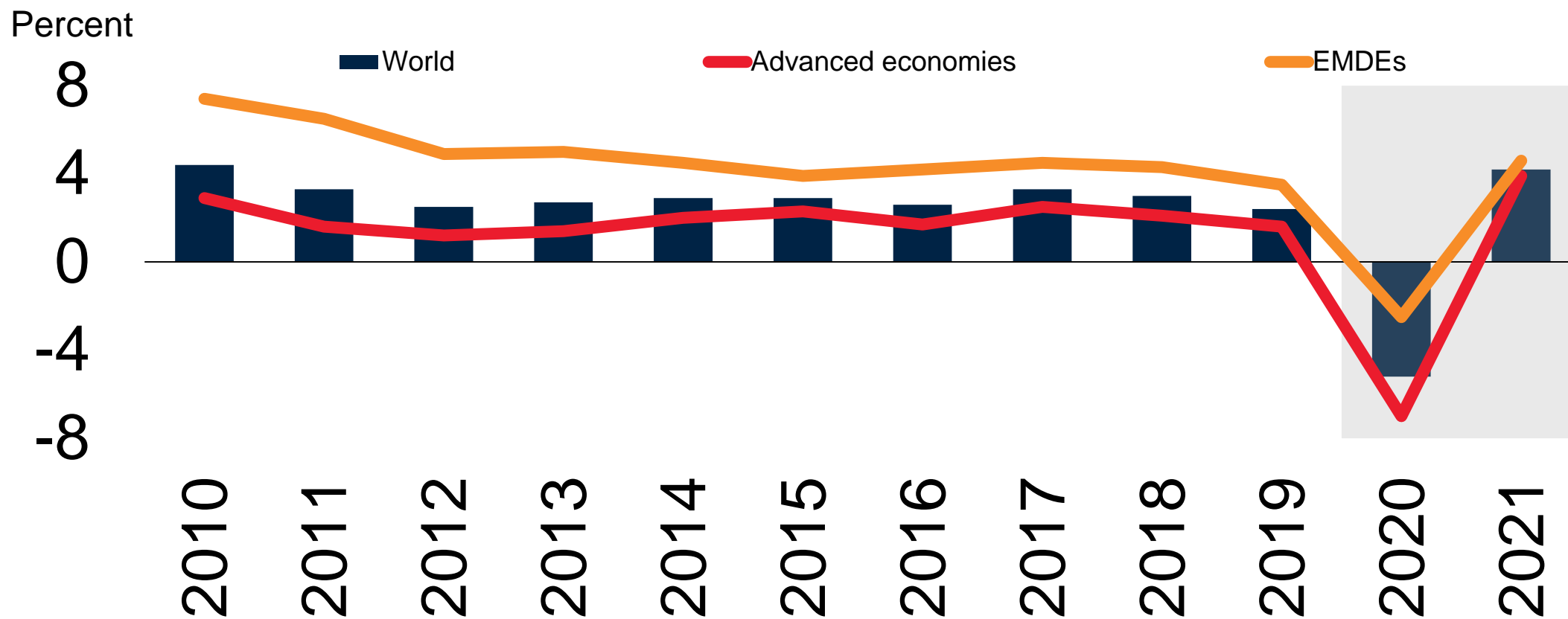
Với mức tăng trưởng này, Việt Nam được dự báo trong năm 2021 sẽ có tốc độ tăng trưởng nằm trong nhóm đầu trên thế giới, và tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức trung bình của các nền kinh tế mới nổi tại khu vực này và chỉ sau một số nền kinh tế như Trung Quốc (6.9%), Malaysia (6.9%)

Nguồn: WB (T6 năm 2020) và tổng hợp một số nguồn khác



Nguồn: Chính phủ (2020)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC DỰ BÁO CỦA VIỆT NAM DỰA TRÊN DỰ BÁO VỀ SỰ PHỤC HỒI CỦA KINH TẾ TOÀN CẦU



Source: World Bank (June 2020).

....VÀ CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ LỚN VÀ CŨNG LÀ BẠN HÀNG LỚN CỦA VIỆT NAM

					Khác biệt so với dự báo vào tháng 1 năm 2020 (điểm phần trăm)	
	2018	2019e	2020f	2021f	2020f	2021f
World	3.0	2.4	-5.2	4.2	-7.7	1.6
Advanced economies	2.1	1.6	-7.0	3.9	-8.4	2.4
United States	2.9	2.3	-6.1	4.0	-7.9	2.3
Euro Area	1.9	1.2	-9.1	4.5	-10.1	3.2
Japan	0.3	0.7	-6.1	2.5	-6.8	1.9
South Korea	2.9	2.0	-1.1	3.5		
Emerging market and developing economies	4.3	3.5	-2.5	4.6	-6.6	0.3
East Asia and Pacific	6.3	5.9	0.5	6.6	-5.2	1.0
China	6.6	6.1	1.0	6.9	-4.9	1.1

Source: World Bank (June 2020) and Korea Development Institute (Sept. 2020).

5 thị trường này đã chiếm tới **69.7%** kim ngạch xuất khẩu của VN
(Mỹ 23.2%, EU 15.7%, Nhật Bản 7.7%, Hàn Quốc 7.4%, Trung Quốc 15.7%)

...VÀ CỦA ASEAN

	2018	2019e	2020f	2021f	Khác biệt so với dự báo vào tháng 1 năm 2020 (điểm phần trăm)	
					2020f	2021f
Cambodia	7.5	7.1	-1.0	6.0	-7.8	-0.8
Indonesia	5.2	5.0	0.0	4.8	-5.1	-0.4
Lao PDR	6.3	4.7	1.0	4.6	-4.8	-1.1
Malaysia	4.7	4.3	-3.1	6.9	-7.6	2.4
Myanmar	6.8	6.3	1.5	6.0	-5.2	-0.8
Philippines	6.3	6.0	-1.9	6.2	-8.0	0.0
Thailand	4.2	2.4	-5.0	4.1	-7.7	1.3
Timor-Leste	-0.8	3.4	-4.8	3.8	-9.4	-1.1
Vietnam	7.1	7.0	2.8	6.8	-3.7	0.3

ASEAN chiếm tới **9.4%** kim ngạch xuất khẩu của VN

BÊN CẠNH ĐÓ, CÒN PHỤ THUỘC VÀO KHẢ NĂNG DUY TRÌ VÀ TĂNG TRƯỞNG CỦA CẦU TRONG NƯỚC

Tính chung 10 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.123 nghìn tỷ đồng, tăng **1,3%** so với cùng kỳ năm trước, và có xu hướng tăng trong những tháng gần đây



4.123 nghìn tỷ đồng hay **175 tỷ** USD (khoảng 51.4% GDP)

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 354,6 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% kế hoạch năm và tăng **34,4%** so với cùng kỳ năm trước.



354,6 nghìn tỷ đồng hay **15 tỷ** USD, (khoảng 4.4% GDP)

NHIỀU YẾU TỐ THUẬN LỢI ĐƯỢC DUY TRÌ ĐỂ ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CUNG ỨNG TRONG NƯỚC

- Dịch vẫn được khống chế. Đây là một điểm mạnh và lợi thế.
- Ổn định kinh tế vĩ mô:
 - Lạm phát, cán cân thanh toán, thâm hụt ngân sách, lãi suất, chỉ số VN-Index, dự trữ ngoại tệ, sự ổn định trong hoạt động tài chính, tiền tệ
- Các nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh và đầu tư vẫn đang được triển khai
- Việt Nam vẫn được coi là một trong những địa chỉ đáng tin cậy trong các nỗ lực nhằm tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu.
- Một số hiệp định thương mại có hiệu lực, mở ra một cơ hội thị trường mới.
- Kinh tế số và thương mại điện tử được đẩy mạnh.
 - Kinh tế số của Việt Nam được ước tính đạt 12 tỷ USD, và tăng với tốc độ 38% trong năm 2019 và hơn 40% trong năm 2020.

NĂNG LỰC VỀ PHÍA CẦU ĐƯỢC PHỤC HỒI, DUY TRÌ VÀ TIẾP TỤC ĐƯỢC NÂNG CAO

Gần 111,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.594,1 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 850,3 nghìn lao động. Bên cạnh đó, còn có 37,7 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động

Vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 23,5 tỷ USD. Trong đó có 2.100 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 11,7 tỷ USD



111.2 nghìn DN mới với số vốn
1.595 nghìn tỷ (67 tỷ USD)



11.7 tỷ USD và 2.100 dự án

MỘT SỐ RỦI RO VÀ ẨN SỐ

- Rủi ro lớn nhất là xuất hiện trở lại của dịch bệnh.
- Dịch bệnh chưa được khống chế tại một số thị trường lớn của Việt Nam như Mỹ và đang quay trở lại tại EU.
 - Một số ngành vẫn tiếp tục chờ đợi, đặc biệt như du lịch, hàng không, bất động sản nghỉ dưỡng, nhà hàng, dịch vụ ăn uống.
 - Ảnh hưởng tới triển khai các dự án FDI do hạn chế về việc đi lại của chuyên gia, kỹ sư, kỹ thuật viên, lao động tay nghề cao.



Doanh thu du lịch lữ hành 10 tháng ước tính đạt **15,4 nghìn tỷ đồng** (660 triệu USD), **giảm 57,7%** so với cùng kỳ năm trước



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 10 tháng năm nay ước tính đạt **412,7 nghìn tỷ đồng** (17.6 tỷ USD), **giảm 14,7%** so với cùng kỳ năm trước

CÁC ẪN SỐ VÀ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI CÁC KỊCH BẢN NÀY

- Số lượng doanh nghiệp đóng cửa tăng mạnh, lợi nhuận của doanh nghiệp suy giảm mạnh mẽ.
- Thu ngân sách suy giảm,
 - Tăng áp lực lên tỷ lệ bội chi ngân sách, áp lực và nợ và thu hẹp dự địa của các chính sách tài khóa.
 - Ảnh hưởng tới đầu tư công và các nỗ lực về các biện pháp kích thích kinh tế
 - Các khoản chi an sinh xã hội, tái thiết sau bão lụt.



85,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Tổng thu NSNN tính đến cuối tháng 10/2020 ước tính đạt 979.7 nghìn tỷ đồng, bằng 78,1% dự toán năm – **thấp nhất trong 10 năm qua**

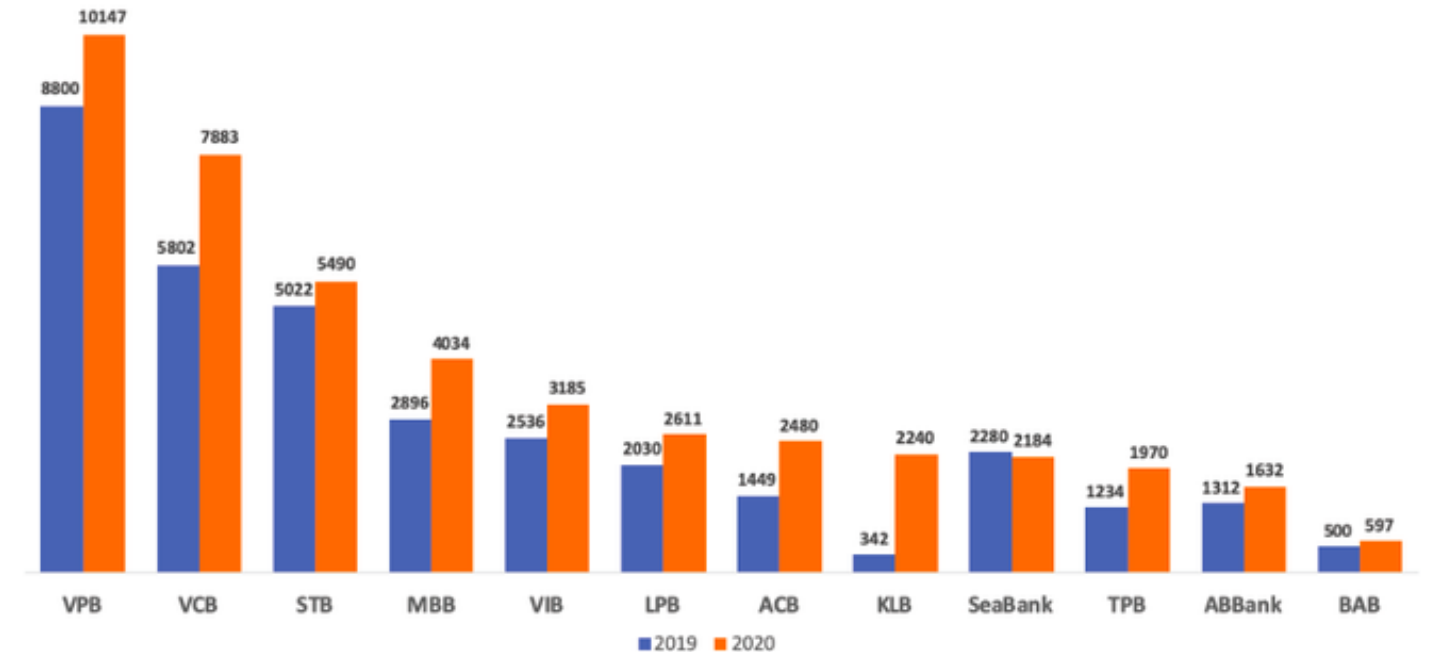
CÁC ẪN SỐ VÀ RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI CÁC KỊCH BẢN NÀY

- Hệ thống ngân hàng: nợ xấu gia tăng

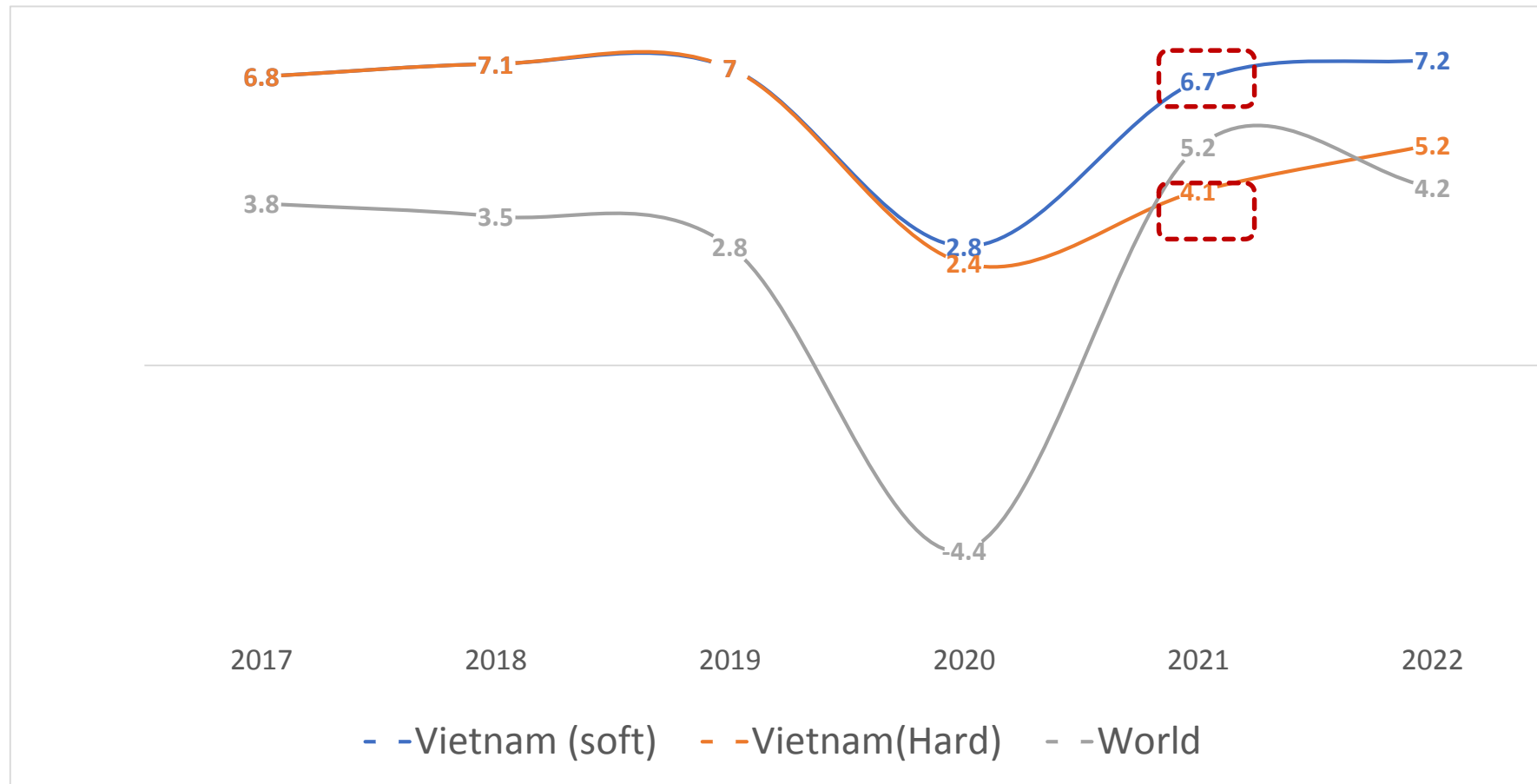
- Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng và thu nhập bình quân của người lao động giảm
 - Áp lực về an sinh xã hội và giảm thu nhập khả dụng của người dân
- Khả năng tái nghèo và tỷ lệ người nghèo tăng.

NỢ XẤU TRONG 9 THÁNG NĂM 2020 CỦA CÁC NGÂN HÀNG

(Đơn vị: tỷ đồng)



DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2020-2022



Nguồn: World Bank, TII năm 2020

Trân trọng cảm ơn!